TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH** Số: 20/2024/QĐST-LĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. Thái Bình, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Phượng

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 23/2024/TLST-LĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 28/2024/QĐST-LĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Bùi Thị S, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty cổ phần C (trước đây là Công ty TNHH C); địa chỉ: Đường T, Khu Công nghiệp P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Người đại diện theo pháp luật: ông Tsai Chui T1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2.2 Bảo hiểm xã hội tỉnh T; Địa chỉ: Số G, đường L, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Mạc Thanh H – Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T.

2.3. Chị Bùi Thị N, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị S*, chị* N*, ông* H *và người đại diện của* công ty CP C *đều vắng mặt và có đơn hoặc đề nghị giải quyết vắng mặt).*

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- *Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, chị* Bùi Thị S *trình bày:*

Tháng 04/2008, chị Bùi Thị S ký hợp đồng lao động với công ty TNHH C *(viết tắt là* công ty C*)*; địa chỉ: Đường T, Khu Công nghiệp P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng lao động nêu trên, chị là người trực tiếp làm việc và tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội nhưng dưới họ tên là Bùi Thị N, sinh ngày 02/8/1974 (là em gái của chị S), mã số sổ BHXH số 3409007664. Việc dùng giấy tờ (chứng minh nhân dân cũng như thông tin nhân thân) của chị Bùi Thị N để tham gia lao động và tham gia bảo hiểm là do chị không hiểu biết pháp luật.

Chị S làm việc tại công ty C đến hết tháng 7/2011 thì nghỉ việc, theo Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 30/7/2011 của công ty C và đã hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần số 891/QĐ-BHXH ngày 12/9/2012 của BHXH huyện V (với tên Bùi Thị N).

Chị S khẳng định chị mới là người ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội và làm việc tại công ty C trong thời gian: từ tháng 04/2008 đến tháng 7/2011.

Còn em gái chị là Bùi Thị N chưa từng làm việc tại công ty trên. Bởi từ 2008 đến tháng 5/2011 chị N chưa đi làm công ty; từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2004 chị N làm việc tại công ty TNHH C; địa chỉ: Lô D Khu C, Tp . và tham gia BHXH từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2024; mã số sổ BHXH: 3411006896, họ và tên: Bùi Thị N, sinh ngày 02/8/1974; số chứng minh nhân dân: 151859047, cấp ngày 25/5/2006.

Do đó chị Bùi Thị S đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị S (lấy tên là Bùi Thị N) và công ty TNHH C từ tháng 04/2008 đến tháng 7/2011 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật, đề nghị điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm số số: 3409007664 từ Bùi Thị N, sinh ngày 02/8/1974; CMND 151859047 sang Bùi Thị S, sinh ngày 12/12/1972.

- *Tại Biên bản làm việc với bà* Lê Thị Thu H1 – *Phó Giám đốc Hành chính* - Công ty cổ phần C*, trình bày:*

Công ty cổ phần C tiền thân là công ty TNHH C. Năm 2021, công ty đổi chủ doanh nghiệp do ông Tsai Chui T – Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật cho đến nay. Công ty đã nhận được các văn bản của Toà án gửi qua bưu chính gồm thông báo thụ lý, công văn đề nghị trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Bùi Thị S…. Bà H1 (Phó Giám đốc Hành chính) đã báo cáo các nội dung văn bản của Toà án cho ông Tsai Chui T1, ông Tsai Chui T1 có ý kiến thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 7/2011, ông không trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động của công ty nên ông không cung cấp được và không ký

các văn bản làm việc với Toà án. Việc chị Bùi Thị S đề nghị tuyên bố hợp đồng lao động ký kết với công ty TNHH C từ tháng 4/2008 đến tháng 7/2011 là vô hiệu đã có pháp luật Việt Nam giải quyết đồng thời ông Tsai Chui T1 từ chối tham gia tố tụng và đề nghị vắng mặt trong quá trình tố tụng của Toà án. Hiện nay ông Tsai Chui T1 đang đi công tác và không có mặt tại trụ sở công ty.

- Tại công văn số 3020/BHXH – QLTST ngày 29/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Thái Bình trình bày:

Bà Bùi Thị N, sinh ngày 02/08/1974, CMT số 151859047, số sổ BHXH 3409007664 có thời gian đóng BHXH, BHYT là 3 năm 4 tháng (từ tháng 04/2008 đến tháng 07/2011) và 02 năm 7 tháng tham gia BHTN (từ tháng 01/2009 đến tháng 07/2011) tại Công ty TNHH C. Tổng số tiền BHXH, BHYT, BHTN đã đóng là 10.773.480 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 7.677.120 đồng, người lao động đóng 3.096.360 đồng.

Bà Bùi Thị N đã hưởng chế độ BHXH một lần trên sổ BHXH 3409007664 sau khi kết thúc hợp đồng lao động (HĐLĐ) tại Công ty TNHH C theo Quyết định số 891/QĐ-BHXH ngày 12/9/2012 của BHXH huyện V.

Việc cung cấp HĐLĐ ký kết giữa Công ty TNHH C với bà Bùi Thị N từ tháng 04/2008 đến tháng 07/2011: Do thời gian đã lâu, chuyển kho lưu trữ hồ sơ nhiều lần, gặp mưa bão dẫn đến hồ sơ bị ẩm mốc, mối mọt nên hiện nay BHXH tỉnh không lưu giữ Hợp đồng lao động của người lao động, đề nghị Tòa án liên hệ với Công ty TNHH C hoặc cá nhân bà Bùi Thị N để có Hợp đồng lao động của bà Bùi Thị N.

Việc bà Bùi Thị S trình bày việc mượn hồ sơ của bà Bùi Thị N để giao kết HĐLĐ và đóng BHXH, BHYT, BHTN nay bà đề nghị Toà án nhân dân thành phố tuyên bố HĐLĐ ký kết giữa bà (bằng tên bà Bùi Thị N) với Công ty TNHH C trong khoảng thời gian từ tháng 04/2008 đến tháng 07/2011 vô hiệu. Bảo hiểm xã hội tỉnh đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thái Bình xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 07/11/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị N *trình bày:*

Tháng 04/2008, chị gái chị là Bùi Thị S, sinh ngày 12/12/1972 ký hợp đồng lao động với công ty TNHH C; địa chỉ: Đường T, Khu Công nghiệp P, thành phố T, tỉnh Thái Bình, công việc là làm công nhân. Do không hiểu biết pháp luật nên chị N có cho chị S mượn chứng minh nhân dân và thông tin nhân thân của cá nhân chị (Bùi Thị N, sinh ngày 02/8/1974; CMND 151859047) để ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội với công ty C1. Do đó mặc dù chị S là người ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm và trực tiếp làm việc tại công ty C1 nhưng họ tên trên hợp đồng và mã số sổ BHXH số 3409007664 lại là tên của chị là Bùi Thị N.

Chị N khẳng định chị không có thời gian nào làm việc cho công ty C. Thực tế từ 2008 đến tháng 5/2011 chị N chưa đi làm công ty; từ tháng 6/2011

đến tháng 5/2004 chị làm việc tại công ty TNHH C2; địa chỉ: Lô D Khu C, Tp . và tham gia BHXH từ tháng 6/2011 đến tháng 5/2024; mã số sổ BHXH: 3411006896, với đúng thông tin họ tên của chị là: Bùi Thị N, sinh ngày 02/8/1974; số chứng minh nhân dân: 151859047, cấp ngày 25/5/2006.

Như vậy chị N bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội 2 tháng là từ tháng 6 đến tháng 7/2011 tại 2 công ty nhưng thực tế chị N chỉ làm việc tại 1 công ty là công ty TNHH C2.

Do đó chị N đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, chấp nhận đơn yêu cầu của chị Bùi Thị S tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị Bùi Thị S (lấy tên là Bùi Thị N) và công ty TNHH C là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật, đề nghị điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm số số: 3409007664 từ Bùi Thị N, sinh ngày 02/8/1974; CMND 151859047 sang Bùi Thị S, sinh ngày 12/12/1972.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 15, Điều 16, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị S, đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa chị Bùi Thị S (lấy tên trên hồ sơ lao động và mã số Bảo hiểm xã hội là Bùi Thị N) và công ty TNHH C từ tháng 4/2008 đến tháng 7/2011 là vô hiệu. Giao cho các cơ quan chức năng có liên quan điều chỉnh hồ sơ cho phù hợp để đảm bảo, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Chị Bùi Thị S phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thời hiệu yêu cầu: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với và công ty TNHH C, công ty có địa chỉ trụ sở tại thành phố T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Về thời hiệu yêu cầu: Chị Bùi Thị S yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị (Hợp đồng mang tên Bùi Thị N) và công ty C từ tháng 4/2008 đến hết tháng 7/2011 vô hiệu do bị lừa dối (vi phạm nguyên tắc trung thực). Theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu là 02 năm kể từ ngày bị lừa dối hoặc phải biết giao dịch được xác lập do

bị lừa dối. Tuy nhiên do các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên yêu cầu của chị S không bị coi là hết thời hiệu yêu cầu.

[2] Xét thấy việc chị Bùi Thị S mượn chứng minh nhân dân của chị Bùi Thị N để ký hợp đồng lao động với công ty C là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Bùi Thị S là phù hợp pháp luật và cần được chấp nhận tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Bùi Thị S (lấy tên trên hồ sơ lao động và mã số Bảo hiểm xã hội là Bùi Thị N) và công ty C1 từ tháng 4/2008 đến hết tháng 7/2011 là vô hiệu.

[3] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động giữa chị Bùi Thị S (hồ sơ mượn tên chị Bùi Thị N) với công ty C từ tháng 4/2008 đến hết tháng 7/2011 nhưng trên thực tế chị S có làm việc tại công ty trong thời gian kể trên, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc công ty có đóng bảo hiểm cho chị S (mang tên chị Bùi Thị N, mã số sổ BHXH số 3409007664). Do vậy chị S, chị N có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin BHXH từ Bùi Thị S thành Bùi Thị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372, khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, Điều 16, Điều 19, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019; Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị S.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa chị Bùi Thị S (lấy tên trên hồ sơ lao động và mã số Bảo hiểm xã hội 3409007664 là Bùi Thị N, sinh ngày 02/8/1974) và công ty TNHH C1 từ tháng 4/2008 đến hết tháng 7/2011 vô hiệu.

2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân trên mã số Bảo hiểm xã hội 3409007664 từ Bùi Thị N, sinh ngày 02/8/1974 thành Bùi Thị S, sinh ngày 12/12/1972. Chị Bùi Thị S và chị Bùi Thị N có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân trên mã số BHXH từ Bùi Thị N thành Bùi Thị S.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Bùi Thị S phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị S

đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001493 ngày 07/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Bùi Thị S, chị Bùi Thị N, Bảo hiểm xã hội tỉnh T, Công ty cổ phần C (trước đây là Công ty TNHH C) có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Thái Bình;*
- *Người yêu cầu;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

LÊ THỊ PHƯỢNG